TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LAGI
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 155/2017/DS-ST
Ngày: 21/11/2017
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L – TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Thế Anh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Vũ Anh Kiệt**;

2. Ông **Ngô Văn Hai**.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Ông **Nguyễn Công Thịnh** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa***: Bà **Trịnh Thị Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 21/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2017, về: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2017/QĐXXST-DS, ngày 16/10/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2017/QĐST-DS, ngày 02/11/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Kim C, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Khu phố 6, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Bảo T, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt không có lý do).

3. *Người làm chứng* : Ông Võ Chiến T, sinh năm 1960. Địa chỉ: Khu phố 10, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24.5.2017 và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/7/2016 Bà Võ Thị Kim C có cho bà Nguyễn Bảo T vay số tiền 20.000.000 đồng, hai bên thoả thuận lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng.

Để đảm bảo cho việc trả nợ vay, bà Nguyễn Bảo T có thế chấp bà Chi 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0706521 do UBND huyện H cũ cấp ngày 09/12/1994 mang tên Trần Đình M, đã cập nhật biến động sang tên bà Nguyễn Bảo T vào ngày 24/9/2014). Sau khi vay tiền bà T không trả tiền lãi và đến hạn trả nợ cũng không thanh toán số tiền đã vay cho bà C. Bà C đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay, bà Võ Thị Kim C yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Nguyễn Bảo T phải trả số tiền 20.000.000 đồng gốc và yêu cầu bà T phải trả lãi suất 1.1.25%/tháng tính từ ngày 23/7/2016 cho đến ngày xét xử (ngày 21/11/2017).

Bị đơn bà Nguyễn Bảo T: Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật tại địa phương nơi bà T sinh sống như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bà Nguyễn Bảo T không có ý kiến cũng như không có văn bản trả lời khi được thông báo có yêu cầu đòi nợ. Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do.

Người làm chứng Võ Chiến T trình bày: Vào ngày 23.7.2016 bà Nguyễn Bảo T có đến vay của bà Võ Thị Kim C số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Khi vay tiền thì có ông chứng kiến hai bên tiến hành giao dịch, phía bà C có đưa cho bà T số tiền 20.000.000 đồng tiền mặt, bà T đưa cho bà Chi một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Hội đồng xét xử và Thư ký tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim C yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Bảo T phải trả số tiền 20.000.000 đồng gốc và yêu cầu bà T phải trả lãi suất 1.1.25%/tháng tính từ ngày 23/7/2016 cho đến ngày xét xử (ngày 21/11/2017) là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Võ Thị Kim C có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Bảo T 01 Giấy gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0706521 do UBND huyện H cũ cấp ngày 09/12/1994 mang tên Trần Đình M, đã cập nhật biến động sang tên chị Nguyễn Bảo T vào ngày 24/9/2014. Về án phí: Bà Nguyễn Bảo T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền*: Xét đơn khởi kiện của bà Võ Thị Kim C yêu cầu bà Nguyễn Bảo T phải trả số tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 23/7/2016 đến ngày xét xử, là tranh chấp về dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, nhiều lần triệu tập nhưng bà Nguyễn Bảo T không có mặt giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ cư trú của bị đơn. Bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết nơi cư trú mới. Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì được coi là bị đơn cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Bảo T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án ông Cao Đức T (chồng bà Võ Thi Kim C) trình bày xác nhận số tiền bà C cho chị Nguyễn Bảo T là tài sản riêng của bà C, ông không có ý kiến gì, không liên quan nên Tòa án không đưa ông Cao Đức T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay theo hợp đồng cho vay tiền có thoả thuận về lãi suất và thời hạn vay. Như vậy tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 471 Bộ Luật dân sự 2005.

[4] *Về nội dung tranh chấp* : Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn bà Võ Thị Kim C đã cung cấp chứng cứ là 01 hợp đồng cho cá nhân vay tiền đề ngày 23 tháng 7 năm 2016. Nội dung trong hợp đồng vay tiền này thể hiện bà Võ Thị Kim C cho bà Nguyễn Bảo T vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), mục đích vay mua xe, thời hạn vay là từ ngày 23 tháng 7 năm 2016 đến ngày 23 tháng 10 năm 2016, lãi thỏa thuận; tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0706521. Nguyên đơn cho rằng chữ ký trong hợp đồng này là của bà Nguyễn Bảo T.

Theo quy định tại Khoản 1, khoản 2 và khoản 4 điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định : *"Đương sự có yêu cầu Toà án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp", "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó", "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án*".

Tài liệu nguyên đơn cung cấp nêu trên là vật có thật, bản chính đọc được nội dung. Căn cứ Điều 93 Bộ Luật tố tụng Dân sự thì 01 hợp đồng vay tiền trên nguyên đơn cung cấp cho Toà án được xác định là chứng cứ.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bị đơn không chấp hành, không có ý kiến phản đối. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận chứng cứ nguyên đơn cung cấp là có căn cứ để xác định bị đơn có vay mượn của nguyên đơn số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi mươi triệu đồng). Xét, giao dịch vay tài sản giữa bà Võ Thị Kim C và bà Nguyễn Bảo T là giao dịch dân sự hợp pháp được pháp luật bảo vệ, việc bà T không thanh toán nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ một lần là có căn cứ cần được chấp nhận.

[5] *Về lãi suất vay* : Theo nguyên đơn trình bày lãi suất hai bên thoả thuận lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng. Tuy nhiên, kể từ thời điểm vay cho đến nay bà Trâm vẫn chưa trả lãi cho nguyên đơn lần nào. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Bảo T phải trả lãi từ ngày 23/7/2016 cho đến ngày xét xử là ngày 21/11/2017, tính lãi suất là 1.125%/tháng.

Mức lãi suất 3%/tháng do hai bên thỏa thuận là vượt quá mức lãi do pháp luật quy định tại Điều 476 Bộ Luật dân sự năm 2005 và Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015. Tuy nhiên, kể từ thời điểm vay cho đến nay bà C vẫn chưa nhận lãi lần nào do bà T trả. Vì vậy, sẽ không điều tiết lại lãi suất.

Nay, bà C yêu cầu bà T trả lãi theo mức lãi suất 1.125%/tháng từ ngày 23/7/2016 đến ngày xét xử là phù hợp quy định điều 467 Bộ Luật dân sự năm 2005. Cụ thể như sau: từ ngày 23/7/2016 đến ngày 21/11/2017 là 15 tháng 28 ngày : 20.000.000 đồng x 1.125% x 15 $^{\text{tháng}}28^{\text{ngày}}$ = 3.585.000 đồng. (Ba triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

Như vậy, bị đơn bà Nguyễn Bảo T phải có trách nhiệm trả số tiền 23.585.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn đồng) cho bà Võ Thị Kim C.

[6] *Về việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* : Bị đơn bà Nguyễn Bảo T khi vay số tiền 20.000.000 đồng có thế chấp 01 giấy CNQSDĐ số D 0706521 do UBND huyện H cũ cấp ngày 09/12/1994 mang tên Trần Đình M, đã cập nhật biến động sang tên bà Nguyễn Bảo T vào ngày 24/9/2014 cho bà Võ Thị Kim C. Tuy nhiên, giữa hai bên không thực hiện việc đăng ký thế thế chấp. Căn cứ theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch đảm bảo các bên đã không thực hiện đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, giao dịch vay tài sản có thế chấp quyền sử dụng đất giữa hai bên là vô hiệu do không tuân thủ về hình thức được quy định tại điều 134 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, bà C có trách nhiệm giao trả lại cho bà T 01 giấy gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là phù hợp.

[7] *Về án phí*: Bị đơn bà Nguyễn Bảo T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 93, Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 134, 305, 471, 474, 476, 478 Bộ Luật Dân sự 2005; Điều 357, 463, 465, 468, khoản 2 Điều 469 Bộ Luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim C. Buộc bà Nguyễn Bảo T phải trả cho bà Võ Thị Kim C số tiền 20.000.000 đồng gốc và 3.585.000 đồng lãi; tổng cộng : 23.585.000 đồng (hai mươi ba triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

2. Bà Võ Thị Kim C có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Bảo T 01 Giấy gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0706521 do UBND huyện H cũ cấp ngày 09/12/1994 mang tên Trần Đình M, đã cập nhật biến động sang tên chị Nguyễn Bảo T vào ngày 24/9/2014.

3. Đối với số tiền phải thi hành án nêu trên, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lại suất :

- Không vượt quá 20%/năm nếu có thỏa thuận.
- 10%/năm nếu không có thỏa thuận.

- Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Bảo T phải chịu 1.179.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Võ Thị Kim C số tiền tạm ứng đã thu 562.000 đồng theo biên lai số 0010361 ngày 21.6.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Thế Anh